

|                                   |                             |
|-----------------------------------|-----------------------------|
| CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM |                             |
| CÔNG<br>VĂN<br>ĐẾN                | Số: 591.....ngày 30/10/2019 |
|                                   | CHUYÊN                      |
|                                   | Lãnh đạo CC.....            |
|                                   | Phòng.....                  |
| Sao.....                          |                             |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/ĐỒ VĂN TÚ/2019

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ kinh doanh Đỗ Văn Tú

Địa chỉ: Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0394730013/0983396140

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 05D80000231/HKD, đăng ký lần ba ngày 6/10/2014, nơi cấp: UBND huyện Yên Mỹ

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số: 06/2018/NNPTNT-HY ngày 21/11/2018, nơi cấp: UBND huyện Yên Mỹ

### II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Gạo Xi

2. Thành phần: Gạo Xi

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng gói lớp PE hoặc PP (Polypropylen) đạt QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Miệng bao được may, dán kín trọng lượng: 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 7kg; 10kg; 15kg; 20 kg; 25kg; 30kg; 50kg, 60kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Hộ kinh doanh Đỗ Văn Tú

Địa chỉ: Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0394730013/0983396140

### III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

TÚ  
Y - Yên Mỹ - HY  
3 0 6 9 1

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

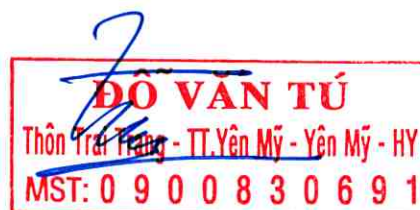
Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”;
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”;
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hung Yên, ngày 23 tháng 10 năm 2019

**CHỦ CƠ SỞ**



*Đỗ Văn Tú.*

## NỘI DUNG NHÃN MÁC DƯ THẢO

### **GẠO XI**

Hộ kinh doanh Đỗ Văn Tú

Địa chỉ: Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0394730013/0983396140

-Thành phần: Gạo Xi

-Ngày sản xuất:

- Hạn sử dụng:

- Hướng dẫn sử dụng bảo quản:

+ Dùng làm nguyên liệu để nấu cơm.

+ Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

- Khối lượng tịnh:

**ĐỖ**  
Trai Trang -  
: 0 9 0



## TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

|                                               |                               |
|-----------------------------------------------|-------------------------------|
| JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 36316.19 | Report date/ Ngày: 23-10-2019 |
| Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01      | Page/ Trang: 1/ 1             |

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỘ KINH DOANH ĐỖ VĂN TÚ

Address (Địa chỉ) : Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Information provided by applicant : Gạo xi

(Thông tin được khách hàng cung cấp)

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No (Số niêm) : Không niêm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 17-10-2019

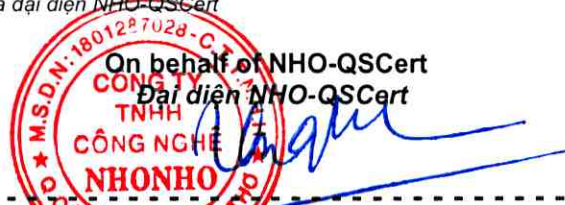
Sample tested on (Ngày phân tích) : 18-10-2019

| Code/<br>Mã mẫu | Name/<br>Tên mẫu | Test Parameter/<br>Chỉ tiêu phân tích | Test Method/<br>Phương pháp | Unit/<br>Đơn vị | LOD   | Result/<br>Kết quả  |
|-----------------|------------------|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------|---------------------|
| 36316.19<br>/1  | Gạo xi           | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)        | ISO 4833-1:2013             | CFU/g           | -     | 3.8x10 <sup>3</sup> |
|                 |                  | Coliforms (**)                        | ISO 4832:2006               | CFU/g           | -     | <10                 |
|                 |                  | E. coli (**)                          | ISO 16649-2:2001            | CFU/g           | -     | <10                 |
|                 |                  | Staphylococcus aureus (**)            | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003  | CFU/g           | -     | <10                 |
|                 |                  | Clostridium perfringens (**)          | ISO 7937:2004               | CFU/g           | -     | <10                 |
|                 |                  | Bacillus cereus                       | ISO 7932:2004               | CFU/g           | -     | <10                 |
|                 |                  | Nấm men, nấm mốc (**)                 | ISO 21527-2:2008            | CFU/g           | -     | <10                 |
|                 |                  | Cadimi (Cd) (**)                      | AOAC 999.11                 | mg/kg           | 0.005 | ND                  |
|                 |                  | Chì (Pb) (**)                         | AOAC 999.11                 | mg/kg           | 0.05  | ND                  |
|                 |                  | Aflatoxin B1 (**)                     | TCVN 7596:2007              | µg/kg           | 1.00  | ND                  |
|                 |                  | Độ ẩm (**)                            | M.K.Lab 36                  | %               | -     | 14.08               |
|                 |                  | Gluxit                                | AOAC 986.25                 | %               | -     | 77.77               |

### Note / Ghi chú:

- (\*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (\*\*) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện  
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert

Authorized Technical Representative  
Phụ trách kỹ thuật





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
HỘ KINH DOANH  
Số: 05D80000231/HKD**

*Đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2012  
Đăng ký lần ba ngày 6 tháng 10 năm 2014*

1. Tên hộ kinh doanh: **ĐỖ VĂN TÚ**
2. Địa điểm kinh doanh: *Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.*
- Điện thoại: \_\_\_\_\_ Fax: \_\_\_\_\_  
Email: \_\_\_\_\_ Website: \_\_\_\_\_
3. Ngành, nghề kinh doanh: *Kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng nông sản, thủy hải sản các loại, trấu ép củi, bao bì, khăn giấy; Dịch vụ vận tải hàng hoá.*  
(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh).

4. Vốn kinh doanh: **1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn).**

5. Họ và tên cá nhân, hoặc tên đại diện hộ gia đình:

**ĐỖ VĂN TÚ**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: 02/6/1967

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân số: 145 388 989

Cơ quan cấp: **Công an tỉnh Hưng Yên**

Ngày cấp: 20/02/2006

Giấy tờ chứng thực khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.**

Chỗ ở hiện tại: **Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.**

Chữ ký của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình: *Tú* .....

Ngày: **11-04-2019**

Số chứng thực: 2004 ..... Quyền số: 2019-SC/183  
Yên Mỹ, ngày 6 tháng 10 năm 2014  
**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**



**CHỦ TỊCH**

**NGÔ QUANG THIỀU**

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Trịnh Hồng Huyền**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
CERTIFICATE  
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS  
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ**

Cơ sở/ Establishment: **ĐỖ VĂN TÚ**

Mã số/ Approval number: 05D80000231/HKD

Địa chỉ/ Address: Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại/ Tel:

Fax:

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:**  
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

**Kinh doanh Gạo, Rau củ quả, thịt gia súc gia cầm, Giò chả.**

Số cấp/ Number: 06/2018/NNPTNT-HY

Có hiệu lực đến ngày 21 tháng 11 năm 2021.

Valid until (date/month/year): / /2021.

(\*) và thay thế Giấy chứng nhận số: , cấp ngày tháng năm  
and replaces The Certificate N°:

Yên Mỹ, ngày 21 tháng 11 năm 2018, day/month/year

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 23-11-2018

Số chứng thực: 9281.....Quyển số: 03/2018-SCT/BS

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Dũng**



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**TRƯƠNG VĂN HẢI**